

Bản án số: 56/2022/HSST
Ngày: 18 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hiêng và bà Hoàng Thị Thái;

- Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng - Th ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2022/TLST- HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Cà Văn X; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 06 tháng 01 năm 1997, tại Đ; nơi cư trú: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Cà Văn Đ và bà Lương Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Sử dụng ma túy; bị tạm giam từ ngày 03/11/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Bị cáo: Lò Văn H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 22 tháng 02 năm 1996, tại Đ; nơi cư trú: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; con ông: Lò Văn Đ và bà Lò Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Sử dụng ma túy; bị tạm giam từ ngày 03/11/2021 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

- Ông Quàng Văn Q - sinh năm 1998; địa chỉ: Bản P, xã P, thành phố Đ, tỉnh Đ; có mặt;

- Bà Lò Thị Th - sinh năm 1994 và cháu Lò Minh K - sinh năm 2018; cùng địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ; người đại diện theo pháp luật của cháu Lò Minh K là bà Lò Thị Th (mẹ đẻ); địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tòng Đức H - sinh năm 1995; địa chỉ: Bản T, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lần 1. Khoảng 10 giờ ngày 19/10/2021, các bị cáo Cà Văn X và Lò Văn H đi bộ quanh khu vực bản Pú Sung, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ với mục đích trộm cắp tài sản. Thấy nhà ông Quảng Văn Q để xe máy Honda màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 27B2 - 165.09 dưới gầm nhà sàn, cổng không khóa, xung quanh không có người; H bảo X vào lấy xe, H đứng ngoài canh giới. X vào dắt xe ra đường và dùng tay rút dây ổ khóa điện, H đầu lại dây điện, X nổ máy điều khiển xe chở H đi một đoạn thì cả hai xuống giật cốp xe mở ra, thấy trong cốp xe có 01 chìa khóa và một ví giả da màu xám bên trong có đăng ký xe và căn cước công dân đều mang tên Quảng Văn Q. Khoảng một tuần sau, X chở H đi mua sơn, xịt lại sơn xe thành màu đỏ đen, đồng thời tháo biển kiểm soát xe vứt đi nhằm tránh sự phát hiện của chủ sở hữu.

Lần 2. Khoảng 19 giờ ngày 26/10/2021, X chở H bằng xe máy trộm cắp được đi ở khu vực bản Nà Tấu 3, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ; thấy cháu Lò Minh K - sinh năm 2018, ngồi trước cửa nhà sát đường, đang cầm điện thoại di động xem cùng cháu Lò Văn Phú - sinh năm 2009. H hỏi X có lấy điện thoại không, X đồng ý rồi quay xe lại, dừng cách chỗ hai cháu ngồi khoảng 50 mét, nổ máy chờ; H đến gần chỗ cháu K, giật chiếc điện thoại Redmi7 cháu K đang cầm rồi chạy đến ngồi lên xe, X điều khiển xe phóng đi; đến bản Nà Nội 1, H bảo X dừng xe; qua ánh sáng đèn xe, H dò được mặt khẩu điện thoại, xóa hết dữ liệu trên máy và tháo sim vứt đi. Ngày 31/10/2021 H nhờ bạn là Bạc Cẩm Hoa ở bản Nà Nội 2, xã Nà Nhạn, thành phố Điện Biên Phủ bán hộ điện thoại; Hoa bán điện thoại này cho ông Tòng Đức H được 800.000 đồng. H cho Hoa 400.000 đồng, còn lại cùng X chi tiêu hết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi trộm cắp, cướp giật tài sản của mình; các bị hại khai về việc bị mất tài sản như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Cơ quan điều tra đã thu giữ điện thoại, xe máy cùng chìa khóa, giấy tờ xe và chiếc ví để trong cốp xe các bị cáo đã trộm cắp và trả cho chủ sở hữu. Ông Q yêu cầu các bị cáo trả 2.650.000 đồng tiền thay lại vỏ xe đã bị sơn lại và đèn xe bị hỏng theo báo giá đã nộp cho cơ quan điều tra; ông H không biết điện thoại mình mua là tài sản trộm cắp và yêu cầu các bị cáo bồi Thong 800.000 đồng tiền đã mua điện thoại; bà Th

không có yêu cầu bồi Thong. H khai khi nhờ Hoa bán điện thoại đã nói dối là điện thoại của mình và đã cho Hoa 400.000 đồng tiền bán điện thoại. Quá trình điều tra xác định hiện Hoa không có mặt tại nơi cư trú, gia đình không biết địa chỉ nơi Hoa làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 67/QĐ ngày 03/11/2021 và số 68/QĐ ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Xe máy Honda màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 27B2 - 165.09 có trị giá 20.700.000 đồng; ví giả da có trị giá 40.000 đồng; điện thoại Redmi7 có trị giá 635.000 đồng

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và các bị hại không khiếu nại về kết luận định giá nói trên.

3. Quyết định truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 10/CT-VKSTPĐBP ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo X và H về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 171 và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" và từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo X từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tổng hợp hình phạt chung cho mỗi bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; không đề cập giải quyết về vật chứng. Áp dụng khoản 1 Điều 48 buộc các bị cáo phải trả cho ông Quảng Văn Q số tiền 2.650.000 đồng và ông Toàng Văn H số tiền theo tỷ phần mỗi bị cáo phải trả 1/2. Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

4. Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đã biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 10 giờ ngày 19/10/2021, tại bản Pú Sung, xã Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ; các bị cáo Cà Văn X và Lò Văn H đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu

để lên lút lấy trộm một xe máy Honda màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 27B2 - 165.09 và một ví giả da có tổng trị giá 20.740.000 đồng của ông Quảng Văn Q. Ngoài ra, khoảng 19 giờ ngày 26/10/2021 tại bản Nà Tấu 3, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ; bị cáo X đã dùng xe máy trộm cắp được nói trên chở bị cáo H tẩu thoát sau khi bị cáo H cướp giật một chiếc điện thoại Redmi7 trị giá 635.000 đồng của bà Lò Thị Th, trong khi cháu Lò Minh K - sinh năm 2018 (*con bà Th*) đang cầm trên tay. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo thay đổi màu sơn xe, tháo bỏ biển kiểm soát xe và sim điện thoại nhằm tránh sự phát hiện của chủ sở hữu. Xe các bị cáo để sử dụng, điện thoại bị cáo H nói dối là của mình để nhờ người khác bán cho ông Tòng Đức H được 800.000 đồng, số tiền này bị cáo H đem cho và cùng bị cáo X chi tiêu hết. Quá trình thực hiện tội phạm, giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò từ trước, sự đồng phạm mang tính giản đơn nên không có tính tổ chức.

Điều 171 BLHS quy định:

- "1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:
...g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi".

Điều 173 BLHS quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản" theo các điều luật đã viện dẫn ở trên.

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng mà nguyên nhân chính là do bị cáo sử dụng ma túy, thực hiện hành vi phạm tội chỉ để phục vụ nhu cầu của bản thân. HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Đối với tội "Cướp giật tài sản" bị cáo H có vai trò chính khi khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo X có vai trò giúp sức tích cực nên về tội này bị cáo H phải chịu hình phạt cao hơn. Đối với tội "Trộm cắp tài sản" bị cáo X là người có vai trò chính khi khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H có vai trò giúp sức tích cực nên về tội này bị cáo X phải chịu hình phạt cao hơn. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình theo Điều 51 BLHS đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 171 và khoản 5 Điều 173 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy: Các bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản gì đáng kể, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Bồi Thường dân sự, vật chứng và các vấn đề khác:

Yêu cầu của ông Q và ông H đối với các bị cáo về việc trả 2.650.000 đồng tiền thay vỏ xe, đèn xe; 800.000 đồng tiền mua điện thoại và phải chịu lãi theo quy định nếu chậm trả là có căn cứ và đã được các bị cáo đồng ý, nên HĐXX cần chấp nhận; mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả 1/2 số tiền này. Bà Th không có yêu cầu bồi Thường nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Ông H không biết điện thoại mình mua là tài sản trộm cắp; bị cáo H khai khi nhờ Hoa bán điện thoại đã nói dối là điện thoại của mình, nên không đề cập xử lý đối với các đối tượng này.

Vật chứng đã được xử lý từ giai đoạn điều tra theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Án phí: Các bị cáo phải chịu phí hình sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do các bên đã thống nhất được việc trả tiền từ trước khi mở phiên tòa theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171, khoản 1 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn H và Cà Văn X phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cướp giật tài sản".

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài

sản" và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"; tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chịu 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 03/11/2021.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn X 03 (ba) năm tù về tội "Cướp giật tài sản" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản"; tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chịu 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 03/11/2021.

3. Bồi Thường dân sự: Các bị cáo có trách nhiệm bồi Thường như sau:

- Bồi Thường cho ông Quảng Văn Q số tiền 2.650.000 (*hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng, theo tỷ lệ mỗi bị cáo bồi Thường $\frac{1}{2}$ là 1.325.000 (*một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng;

- Bồi Thường cho ông Tòng Văn H số tiền 800.000 (*tám trăm nghìn*) đồng, theo tỷ lệ mỗi bị cáo bồi Thường $\frac{1}{2}$ là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Quảng Văn Q, ông Tòng Văn H cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng các bị cáo Lò Văn H và Cà Văn X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Các bị cáo Cà Văn X và Lò Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/02/2022); trường hợp những người này vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

